

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày 24-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Hợp.

Bà Nông Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Bà Luyện Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đặng Quốc Q, sinh ngày 04 tháng 01 năm 1984 tại xã Nghĩa B, huyện Nghĩa H, tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký thường trú: Xóm A, xã B, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở: Tổ A1, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Nh, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1951; có vợ là Bé Thị P, sinh năm 1983 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Chu Thanh T, sinh ngày 22 tháng 01 năm 1991 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Tổ A3, phường X, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 10/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn Ph (đã chết) và bà Nông Thị Ng, sinh năm 1959; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Nông Đàm B, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1988 tại xã Tr, huyện L, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Xóm R, xã Tr, huyện L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 10/12 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Th, sinh năm 1954 và bà Đàm Thị R, sinh năm 1954; có vợ là Bế Thị H1, sinh năm 1989 và 01 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-01-2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Chu Thanh T*: Bà Nông Thị Thu Trang, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 05 phút ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại khu vực xóm T, xã Ph, huyện K, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Phòng Cảnh sát kinh tế (PC03) Công an tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ phát hiện Đặng Quốc Q điều khiển xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 11A-001.xx theo hướng từ xã Tr, huyện L ra xã H1, huyện K, ngồi ghế phụ là Chu Thanh T, trên xe chở 19 thùng cát tông bên trong đựng 342 hộp vuông, 01 bao tải màu cam đựng 15 hộp vuông và 11 hộp vuông để trong 01 thùng cát tông bị rách, các hộp vuông đều có kích thước, đặc điểm giống nhau (nghỉ là pháo). Tiến hành cân 368 hộp vuông có khối lượng là 540 ki lô gam, Q khai số pháo trên mua với Nông Đàm B, mục đích mang xuống Thái Nguyên bán lại cho một người tên V để kiếm lời, còn T là người được Q rủ đi cùng để giúp lái xe. Tổ công tác đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người cùng toàn bộ vật chứng về cơ quan Công an để điều tra làm rõ.

Ngày 31-01-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Đàm B tại xóm R, xã Tr, huyện L, tỉnh Cao Bằng thu giữ 29 quả pháo hình bóng điện, 05 hộp pháo loại 36 quả/ 01 hộp, tổng khối lượng là 08 ki lô gam.

Ngày 31-01-2019 và ngày 18-02-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 19/TCGD-CSĐT, 23/TCGD-CSĐT trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn giám định pháo nổ. Tại Kết luận giám định số: 684/C09-P2 ngày 01-02-2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: *“Các mẫu vật gửi giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ”*; Tại Kết luận giám định số: 91/KL-PC09 ngày 20-02-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *“Các mẫu vật gửi giám định đều có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo, khi đốt gây tiếng nổ)”*.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai: Đặng Quốc Q được một người tên V ở Thái Nguyên, không biết họ và địa chỉ cụ thể đặt mua pháo, Q gọi điện cho Nông Đàm B hỏi mua 20 thùng pháo, mục đích vận chuyển về Thái Nguyên bán lại cho V để kiếm lời và được B đồng ý. Chiều ngày 30-01-2019, Q gọi điện thoại cho B thì được biết đã có pháo nên Q gọi điện thoại rủ Chu Thanh T đi cùng để lái xe. Sau đó, Q mượn xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest BKS 11A-001.xx của Trần Ngọc L, sinh năm 1989, cư trú tại tổ 5, phường X, thành phố C để đi chở pháo. Sau khi mượn được xe, Q gọi điện thoại hẹn T ra đường tròn X chờ Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1986 là lái xe taxi đến chở lên bãi đỗ xe Q thuộc tổ 7, phường X, thành phố C. Khi đến điểm hẹn với T, Q tháo hàng ghế sau của xe ô tô Ford Everest đưa sang xe taxi cho Ch chở về rồi bảo T lái xe đi theo hướng vào huyện K, còn Q ngồi ghế phụ bên cạnh T. Trên đường đi Q gọi điện cho B nhiều lần trao đổi về việc mua bán pháo. Khi đến đoạn đường rẽ từ xã H1 đi xã Ph, huyện K, T hỏi Q chuyển này vào chở hàng gì thì được Q trả lời là chở pháo. T không nói gì vẫn tiếp tục lái xe đi tiếp. Khi đến địa điểm bốc pháo, Q nhận với B 19 thùng cát tông mỗi thùng đựng 18 hộp pháo, 01 bao tải đựng 15 hộp pháo và 01 thùng cát tông bị rách đựng 11 hộp pháo rồi trả cho B số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn thiếu Q nói với B sau khi bán hết số pháo sẽ trả sau. Sau đó Q lái xe quay ra theo đường cũ đến đoạn đường thuộc xóm T, xã Ph, huyện K thì bị Công an bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng.

Q và B còn khai nhận, ngoài lần bị bắt quả tang ngày 31-01-2019 thì khoảng tháng 9-2018 Q cùng V đi vào xã Tr, huyện L, tỉnh Cao Bằng mua với B

15 thùng pháo. Trên đường Q vận chuyển ra đến đoạn đường thuộc xã Ng, huyện A thì bị lực lượng Công an phát hiện, truy đuổi nên Q đã vứt toàn bộ số pháo trên xuống suối. Xét thấy lần mua pháo này giữa Q và B cơ quan chức năng không thu được vật chứng để trưng cầu giám định xác định có phải pháo nổ hay không nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest BKS 11A-001.xx Q dùng để chở pháo thuộc sở hữu của Trần Ngọc L, khi cho Q mượn xe L không biết Q dùng vào việc vận chuyển pháo nên cơ quan điều tra đã quyết định trả lại chiếc xe ô tô cho Trần Ngọc L.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng Cơ quan điều tra tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Nông Đàm B thuộc sở hữu của vợ B là Bé Thị H1, kết quả kiểm tra điện thoại không có nội dung liên quan đến việc mua bán pháo nên cơ quan điều tra đã quyết định trả lại cho Bé Thị H1.

Tại phiên toà, bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T và Nông Đàm B đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Ngày 26-6-2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 26/CT-VKSCB-P2 truy tố Đặng Quốc Q và Chu Thanh T về tội buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố Nông Đàm B về tội buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 và tội tàng trữ hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội khẳng định Cáo trạng truy tố Đặng Quốc Q, Chu Thanh T và Nông Đàm B là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Đặng Quốc Q và Chu Thanh T về tội buôn bán hàng cấm; Nông Đàm B về tội buôn bán hàng cấm và tội tàng trữ hàng cấm, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Quốc Q từ 09 năm đến 10 năm tù;

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54, xử phạt: Chu Thanh T từ 04 năm đến 05 năm tù;

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51, xử phạt: Nông Đàm B từ 09 năm đến 10 năm tù về tội buôn bán hàng cấm, 06 tháng đến 09 tháng tù về tội tàng trữ hàng cấm, tổng hợp hình phạt cả hai tội là từ 09 năm 06 tháng tù đến 10 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu huỷ 22 thùng cát tông chứa pháo; tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Sam sung của Đặng Quốc Q, 01 điện thoại di động của Nông Đàm B dùng liên lạc thực hiện tội phạm; trả lại cho Đặng Quốc Q 01 ví da cùng các giấy tờ bên trong, 01 điện thoại di động; trả lại cho Chu Thanh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; trả lại cho Nông Đàm B 01 giấy chứng minh nhân dân.

Truy thu số tiền 30.000.000 đồng đối với Nông Đàm B để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Đặng Quốc Q, Nông Đàm B trình bày lời bào chữa và trong lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

Bà Nông Thị Thu Trang bào chữa cho bị cáo Chu Thanh T đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về việc truy tố T về tội buôn bán hàng cấm theo quy định tại Điều 190 của Bộ luật Hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, gia đình thuộc diện hộ nghèo, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất là 04 năm tù theo đề nghị của Kiểm sát viên. Bị cáo Chu Thanh T bào chữa bổ sung và trong lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T, Nông Đàm B và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T, Nông Đàm B hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an tỉnh Cao Bằng lập hồi 01 giờ 05 phút ngày 31-01-2019 đối với Đặng Quốc Q và

Chu Thanh T; Biên bản mở niêm phong đồ vật bị tạm giữ lấy mẫu giám định và niêm phong lại hồi 08 giờ 25 phút ngày 31-01-2019 đối với vật chứng bắt quả tang; Kết luận giám định số: 684/C09-P2 ngày 01-02-2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đối với các mẫu vật gửi giám định là vật chứng bắt quả tang; Biên bản khám xét chỗ ở của Nông Đàm B hồi 11 giờ 30 phút ngày 31-01-2019; Biên bản cân xác định khối lượng vật chứng hồi 08 giờ ngày 15-02-2019 đối với vật chứng bị tạm giữ khi khám xét chỗ ở Nông Đàm B; Kết luận giám định số: 91/KL-PC09 ngày 20-02-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn đối với mẫu vật gửi giám định được thu giữ tại nhà ở của Nông Đàm B; lời khai của các bị cáo còn phù hợp với Biên bản kiểm tra điện thoại, lịch sử cuộc gọi từ số điện thoại các bị cáo sử dụng; phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã có đủ căn cứ kết luận: Đêm ngày 30-01-2019, Đặng Quốc Q rủ Chu Thanh T đi cùng giúp lái xe ô tô Ford Everest BKS 11A-001.xx từ thành phố C đến xã Tr, huyện L, tỉnh Cao Bằng mua với Nông Đàm B 540 ki lô gam pháo với mục đích vận chuyển xuống Thái Nguyên để bán kiếm lời, khi đến khu vực xóm T, xã Ph, huyện K thì bị bắt. Khám xét nhà ở của Nông Đàm B Công an thu giữ được 08 ki lô gam pháo.

Hành vi mua bán pháo là mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư của các bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T, Nông Đàm B đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý một số loại hàng hoá cấm kinh doanh, buôn bán do việc kinh doanh loại hàng hoá này có ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, sức khoẻ con người. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích, động cơ phạm tội là nhằm kiếm tiền bất hợp pháp từ việc buôn bán hàng cấm. Hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T, Nông Đàm B đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội buôn bán hàng cấm được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “*Pháo nổ 120 ki lô gam trở lên*”. Ngoài hành vi buôn bán hàng cấm, Nông Đàm B còn có hành vi tàng trữ 08 ki lô gam pháo để đốt và đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội tàng trữ hàng cấm được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung: “*Pháo nổ từ 06 ki lô gam đến dưới 40 ki lô gam*”. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T về tội buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nông Đàm B về tội

buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 và tội tàng trữ hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T, Nông Đàm B là rất nghiêm trọng, buôn bán hàng cấm với khối lượng rất lớn, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở địa phương.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T và Nông Đàm B đều có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Đặng Quốc Q có 02 tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố bị cáo là ông Đặng Văn Nh có thành tích trong chiến đấu chống Mỹ cứu nước được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Chu Thanh T có 03 tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giúp sức, mức độ không đáng kể; mẹ bị cáo là bà Nông Thị Ng đã có thành tích phục vụ trong quân đội được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Đàm B có 01 tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần giảm một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, đối với bị cáo T cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 190 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Hội đồng xét xử thấy trước khi phạm tội các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 22 thùng cát tông chứa pháo là hàng hoá cấm kinh doanh nên tịch thu tiêu huỷ, 02 chiếc điện thoại di động tạm giữ của Đặng Quốc Q, Nông Đàm B dùng liên lạc thực hiện tội phạm tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước; các đồ vật, tài sản, giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả cho các bị cáo. Truy thu số tiền 30.000.000 đồng do phạm tội mà có của Nông Đàm B nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T và Nông Đàm B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Quốc Q và Chu Thanh T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Bị cáo Nông Đàm B phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đặng Quốc Q 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 31-01-2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 190; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Chu Thanh T 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 31-01-2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 190; điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Đàm B 09 (chín) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ hàng cấm”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội buộc bị cáo B phải chấp hành là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 31-01-2019.

2. Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 21 (hai mươi một) thùng cát tông đã niêm phong ghi: “Tang vật vụ Đặng Quốc Q, Chu Thanh T vận chuyển hàng cấm (pháo)”; 01

(một) thùng cát tông được niêm phong ghi: “Tang vật thu giữ tại nhà Nông Đàm B, khám xét ngày 31-01-2019”;

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung màu đen xám, đã qua sử dụng, số IMEL: 355228087127xxx, kèm 01 sim (*tạm giữ của Đặng Quốc Q*); 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung màu trắng bạc, đã qua sử dụng, số IMEL: 357625083521xxx, kèm 02 sim (*tạm giữ của Nông Đàm B*).

Truy thu số tiền 30.000.000 đồng do phạm tội mà có đối với Nông Đàm B để nộp ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Chu Thanh T 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu vàng trắng, đã qua sử dụng, số IMEL: 867453032234xxx, kèm 2 sim đã được niêm phong.

Trả lại cho Nông Đàm B 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nông Đàm B.

Trả lại cho Đặng Quốc Q 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung màu xanh đen, đã qua sử dụng, số IMEL: 359933094553xxx, kèm 02 sim đã niêm phong; 01 (một) ví giả da màu đen bên trong có: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Đặng Quốc Q; 01 (một) giấy phép lái xe hạng C mang tên Đặng Quốc Q; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đặng Quốc Q; 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng AGRIBANK mang tên Đặng Quốc Q; 02 (hai) tờ tiền NHNN Việt Nam mệnh giá: 100.000đ (số sê ri: RT 15610031; NJ 17986457) nhưng tạm giữ số tiền này để bảo đảm thi hành án.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 44 ngày 02-7-2019.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T, Nông Đàm B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Đặng Quốc Q, Chu Thanh T, Nông Đàm B có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự;
- Các bị cáo;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu HSVA;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân